



THỊNH TRƯỜNG PHÁT
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 03321/2025/PKQ(25.2248)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần May Sông Hồng
- Địa chỉ : Số 105 Nguyễn Đức Thuận, Phường Quang Trung, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Địa điểm lấy mẫu : CCN TT Thị trấn Xuân Trường, H. Xuân Trường, Tỉnh Nam Định
- Ngày nhận mẫu : 21/05/2025
- Ngày trả kết quả : 09/06/2025
- Tên mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NM210525-002	SH4	Mẫu nước mặt SH4 - tại điểm lấy nước đầu vào Trạm cấp nước của công ty.	Nước mặt

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 2 - Mức A
				SH4	
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	KPH (MDL = 1,00)	≤ 4
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	3,16	≤ 10
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	32	≤ 25
4	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH	≤ 0,6
5	Tổng P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,067	≤ 0,1
6	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ^(d)	mg/l	TCVN 6634:2000	1,4	≤ 4
7	Coliforms ^(b)	MPN/100 ml	SMEWW 9221B:2017	9,2 x 10 ²	≤ 1000
8	Coliforms chịu nhiệt ^(b)	MPN/100 ml	SMEWW 9221E:2017	KPH	≤ 200
9	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,68	-
10	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ^(b)	mg/l	TCVN 7325:2016	3,64	-

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- (d)- Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 6 do Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - (Vimcerts 079) thực hiện;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 2 - Mức A: Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hoà tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2025
P.GIÁM ĐỐC


Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/ Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

